ĐỘ TUỔI 3-4 TUỔI

(Kèm theo kế hoạch số 216/KH-MNQL ngày 22/8/2025 của trường mầm non Quảng Long)

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
*** Tổ chức ăn**	
MT CS01: Trẻ có chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: *+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.* *+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*
- MTCS02: Trẻ có số lượng bữa ăn phù hợp với độ tuổi (bữa chính, 1 bữa phụ)	- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ. *+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. *+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:* Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.
- MTCS03: Trẻ được ăn theo đúng thực đơn theo mùa, ngày, tuần phù hợp với đia phương	- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.
- MTCS04: Trẻ được uống đủ nước trong ngày theo quy định (1,6-2lít)	- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
*** Tổ chức ngủ**	
- MTCS05: Trẻ được ngủ 1 giấc buổi trưa 150 phút	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).
*** Vệ sinh**	
- MTCS06: Trẻ được chăm sóc vệ sinh cá nhân	- Vệ sinh cá nhân.
- MTCS07: Trẻ được đảm bảo môi trường lớp học, đồ dùng, đồ chơi… sạch sẽ.	- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
*** Chăm sóc sức khỏe và an toàn**	
- MTCS08: Trẻ được chăm sóc và khám sức khỏe định kỳ	- Trẻ được khám sức khoẻ định kỳ 2 lần/ năm; theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. + Phối hợp với trạm y tế tổ chức khám sức khỏe

	định kỳ 2 lần/năm (tháng 9 và tháng 3). + Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 3 lần/ năm (tháng 9, tháng12 và tháng 3). - Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì : xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ, tổ chức cân đo 1tháng/lần đối với trẻ SDD, béo phì
MTCS09: Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao của trẻ: + Cân nặng: Trẻ trai: 12,7-21,2 kg Trẻ gái: 12,3-21,5 kg. + Chiều cao: Trẻ trai: 94,9-111,7 cm Trẻ gái: 94,1- 111,3 cm	- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Khám sức khỏe định kì: 2 lần/năm - Cân đo: 3 tháng/lần - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển.
- MTCS10: Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp và được theo dõi tiêm chủng; được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp:	- Phòng tránh các bệnh thường gặp sởi, thuỷ đậu, đau mắt ….. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
**** Các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp:***	
MT01: Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	**- Hô hấp** + Hít vào, thở ra. **- Tay:** + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực **- Lưng, bụng, lườn:** + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. **- Chân:** + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
*** Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động**	
MT02: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể, kiểm soát được vận động khi thực hiện vận động đi và chạy.	+ Đi kiễng gót liên tục 3m. + Đi bước dồn ngang + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m. + Đi, theo đường dích dắc (3-4 điểm). + Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.

	+ Đi trong đường hẹp + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát + Đi theo đường ngoằn ngoèo
MT03: Trẻ biết bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc. bò chui qua cổng, trườn về phía trước ...	+ Bò theo hướng thẳng, dích dắc. + Trườn về phía trước, + Trườn theo hướng thẳng, dích dắc. + Bò chui qua cổng. + Bò trong đường hẹp (3mx0,4m)
MT04: Trẻ thực hiện đông tác bước lên, xuống bục cao 30cm	+ Bước lên, xuống bục (cao 30 cm)
MT05: Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động tung, chuyền, ném, đập bắt bóng.	+ Lăn, đập, tung bắt bóng với cô + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyền bắt bóng hai bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Ném trúng đích ngang
MT06: Trẻ biết thực hiện các vận đông bật.	+ Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20-25 cm. + Bật qua ô
*** Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ**	
MT07: Trẻ thực hiện được các vận động xoay tròn cổ tay, gập đan ngón tay vào nhau.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết - Xé dán giấy
MT08: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	- Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn 10cm - Xếp chồng 8-10 khối không đổ, xếp chồng các hình khối khác nhau - Sử dụng kéo, bút - Tô, vẽ nguệch ngoạc - Cài cởi cúc.
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
*** Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khoẻ:**	
MT09: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh.	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc: thịt, cá, trứng, sữa, rau…
MT10: Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày	- Trẻ biết tên một số món ăn hành ngày: Trứng rán, cá kho, thịt rim đậu, canh rau, thịt kho….
MT11: Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.

ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật: ỉa chẩy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì.
MT12: Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt, súc, miệng. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Tháo tất, cởi quần áo, mặc quần áo. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
*** Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt:**	
MT13: Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Biết Cầm bát bằng tay trái, cầm thìa bằng tay phải…
*** Giữ gìn sức khoẻ và an toàn:**	
MT14: Trẻ có một số hành vi tốt trong trong ăn uống khi được nhắc nhở.	- Ăn chín, uống sôi, nhai kỹ, không nói chuyện cười đùa trong khi ăn uống, biết nhặt cơm rơi.
MT15: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khoẻ. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người; Vệ sinh răng miệng, đi giày dép khi đi học - Nhận biết trang phục theo thời tiết: Đội mũ khi ra năng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh… - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm: đau đầu, ho, sổ mũi.. - Biết nói với người lớn khi bị đau chảy máu
MT16: Trẻ nhận ra và tránh một số hành động, vật dụng nguy hiểm khi bị nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn những loại quả có hạt…; không tự lấy thuốc uống, không nghịch các vật sắc nhọn, phích nước nóng, bàn là…không leo trèo lên bàn ghế, lan can, cây cối, quăng ném đồ chơi, sờ vào ổ điện; không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.
MT17: Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Trẻ không đến những nơi không an toàn: giếng nước, ao, mương máng, sông suối, con vật nguy hiểm…
MT18: Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và cần gọi người lớn giúp đỡ.	- Dạy trẻ biết gọi người giúp đỡ khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Đuối nước, tai nạn. cháy nổ…
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
Khám phá khoa học	
*** Các bộ phận trên cơ thể con người:**	
MT19: Sử dụng các giác quan để quan sát, khám phá tìm hiểu đối tượng. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Trẻ nhận biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận của cơ thể: thính giác, vị giác, xúc giác, thị giác, khứu giác và một số bộ phận khác của cơ thể.

*** Đồ vật*: Đồ dùng, đồ chơi***	
MT20: Trẻ thích tìm hiểu, khám phá, phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc ở lớp, ở nhà.
**** Phương tiện giao thông***	
MT21: Trẻ có thể mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng khi quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Trẻ nói được tên, đặc điểm, công dụng nổi bật của một số phương tiện giao thông quen thuộc: Xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay… - Trẻ có thể nhận ra âm thanh của các phương tiện giao thông quen thuộc.
**** Động vật và thực vật:***	
MT22: Trẻ nhận biết được một số đặc điểm nổi bật và lợi ích của con vật, cây, hoa, quả quan thuộc. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở cảu cô giáo.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của một số con vật gần gũi - Tên và một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của một số đặc điểm nổi bật của một số cây, rau, hoa, quả quen thuộc.
MT23: Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Dạy trẻ nhận biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây…quen thuộc với môi trường sống của chúng.,
MT24: Trẻ có ý thức chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	- Dạy trẻ biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
*** Một số hiện tượng tự nhiên** ***- Thời tiết, mùa:***	
MT25: Trẻ có thể nói được một vài đặc điểm nổi bật của sự vật, hiện tượng quen thuộc. Trẻ nhận biết được sự thay đổi rõ nét của một số hiện tượng thời tiết theo mùa.	- Dạy trẻ nhận biết một số hiện tượng thời tiết: Nắng, mưa, gió, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.
Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	
MT26: Trẻ nhận biết một số âm thanh của hiện tượng tự nhiên.	- Dạy trẻ nhận biết một số âm thanh của gió, mưa, sấm chớp…
MT27: Trẻ nhận biết một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	- Dạy trẻ nhận biết một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm (Ngày có mặt trời, bầu trời sáng, đêm có trăng, sao bầu trời tối)
Nước:	
MT28: Trẻ có thể nhận biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.	- Dạy trẻ nhận biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày (nước máy, nước giếng, nước suối, nước mưa)
MT29: Trẻ biết ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối…	- Trẻ có khả năng làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng như: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi, lợi ích của nước đối với cuộc sống…

Đất đá, cát sỏi	
MT30: Trẻ nhận biết được một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	- Dạy trẻ nhận biết một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
Không khí, ánh sáng	
MT31: Trẻ nhận biết được một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.	- Dạy trẻ nhận biết một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày (Mặt trời, điện, đèn dầu, nến, đèn pin)
MT32: Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình…	- Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ, khám bệnh. - Hát các bài hát về cây, con vật,… - Vẽ, nặn, xé, dán, cây, đồ dừng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm	
MT33: Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Dạy trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
MT34: Trẻ có khả năng so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5; nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Dạy trẻ một và nhiều.
MT35: Trẻ có khả năng gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	- Dạy trẻ gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
MT36: Trẻ có khả năng tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm	- Dạy trẻ tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
Xếp tương ứng	
MT37: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	- Dạy trẻ xếp tương ứng 1- 1 - Dạy trẻ ghep đôi
So sánh, sắp xếp theo qui tắc	
MT38: Trẻ nhận biết được sự khác nhau về kích thước của 2 đối tượng và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- Dạy trẻ so sánh hai đối tượng về kích thước: + So sánh chiều cao của 2 đối trượng + So sánh chiều dài của 2 đối tượng + So sánh kích thước to – nhỏ
MT39: Trẻ biết xếp xen kẽ các đối tượng.	- Dạy trẻ biết xếp xen kẽ các đối tượng.

Hình dạng	
MT40: Trẻ nhận dạng và gọi tên hình; tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Dạy trẻ nhận biết gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.
Định hướng trong không gian và định hướng thời gian	
MT41: Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Dạy trẻ nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước-phía sau, tay phải- tay trái của bản thân.
Khám phá xã hội	
Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng	
MT42: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết tên, tuổi, giới tính của bản thân.
MT43: Trẻ nói được tên của bố. mẹ và các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình.	- Trẻ biết tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.
MT44: Trẻ biết được tên trường, lớp, cô giáo, bạn, đồ dùng, đồ chơi trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết tên trường, lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Trẻ biết tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
MT45: Trẻ biết được một số quy định giao thông đơn giản.	- Tìm hiểu một số quy định giao thông: Đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy, đi bên phải đường... - Tìm hiểu đèn tín hiệu giao thông.
MT46: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của ngề nông, nghề xây dựng…khi được hỏi, xem tranh.	- Dạy trẻ biết tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.
MT 47: Trẻ kể tên một số lễ hội.	- Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày tết thiếu nhi 1/6, qua trò chuyện, tranh ảnh.
MT 48: Trẻ thể kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Dạy trẻ biết cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ ngày hội của địa phương.
PHÁT TRIỂN NGÔNG NGỮ	
Nghe hiểu lời nói	
MT49: Trẻ hiểu từ khái quát gần gũi, thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Trẻ hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc với trẻ. - Trẻ hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
MT50: Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Trẻ nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.

	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT51: Trẻ nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng việt
MT52: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	- Trẻ trả lời và đặt các câu hỏi: ai/ cái gì? Khi nào? ở dâu?...
MT53: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Trẻ nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT54: Trẻ biết kể lại những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân	- Trẻ kể lại như: Thăm ông bà, xem phim, đi chơi…
MT55: Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Dạy trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao tục ngữ, hò vè
MT56: Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn, bắt trước giọng nói của nhân vật trong truyệ	- Trẻ kể lại một vài tình tiết đã được nghe - Kể lại sự việc - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Dạy trẻ bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện
MT57: Trẻ biết sự dụng các từ biểu hiện sự lễ phép	- Trẻ sử dụng các từ: vâng ạ, dạ, thưa… trong giao tiếp - Nói đủ nghe không lí nhí.
Làm quen với đọc, viết	
MT58: Đề nghị người khác đọc sách cho nghe. Tự giở sách xem tranh	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
MT59: Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Cho trẻ xem tranh minh họa gọi tên nhân vật trong tranh
MT60: Trẻ nhận biết một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống	- Làm quan với các ký hiệu nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo…
MT61: Trẻ làm quen với cách đọc và viết tiếng việt	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện. - Giữ gìn sách - Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc - Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Làm quen với hướng đọc, viết: từ trái qua phải, từ trên xuống dưới - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau dấu chấm.

PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM	
**** Ý thức về bản thân***	
MT62:Trẻ nói được điều mình thích, không thích	- Trẻ biết nói những điều bé thích, không thích
**** Thể hiện sự tự tin, tự lực***	
MT63: Trẻ Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi, cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động học tập và vui chơi - Mạnh dạn trả lời các câu hỏi của cô và các bạn - Thực hiên công việc được giao
**** Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh***	
MT64: Trẻ nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét măt, giọng nói, tranh ảnh	- Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét măt, giọng nói, tranh ảnh - Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận…Qua nét măt, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.
MT65: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Dạy trẻ kính yêu Bác Hồ. - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh dẹp, lễ hội của quê hương, đất nước
MT66 (PTCT): Trẻ thể hiện tình yêu biển, đảo qua xem tranh ảnh; qua hoạt động giáo dục của cô giáo.	***- Dạy trẻ thể hiện tình yêu biển, đảo: Con thích biển Trà Cổ, Con yêu Vịnh Hạ Long, con yêu đảo quê hương…***
**** Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội***	
MT67: Trẻ thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình sau khi chơi: cất xếp đồ chơi, đồ dùng, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Dạy trẻ một số quy định ở lớp và gia đình (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)
MT68: Trẻ biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, xin phép khi được nhắc nhở.	- Dạy trẻ biết thể hiện cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)
MT69: Chú ý nghe cô, bạn nói. Cùng chơi với các bạn trong trò chơi theo nhóm nhỏ	- Chờ đến lượt - Chơi hòa thuận với bạn - Nhận biết hành vi: đúng, sai, tốt, xấu.
MT70: Trẻ biết thể hiện tình cảm yêu thương	- Trẻ biết yêu quý bố mẹ, anh, chị, em ruột - Trẻ yêu mến cô giáo, bạn bè…
**** Quan tâm đến môi trường***	
MT71: Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc con vật, cây	- Trẻ biết bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối

MT72: Trẻ biết cố gắng tự thực hiện các công việc được giao.	- Rèn cho trẻ tính kiên trì, biết tự kiềm chế chờ đến lượt.
MT73: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Trẻ biết vệ sinh môi trường
MT74: Trẻ có ý thức tiết kiệm trong sinh hoạt.	- Dạy trẻ biết tiết kiệm điện, nước (tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng; lấy nước vừa đủ dùng, khóa vòi nước sau khi rửa tay).
PHÁT TIỂN THẨM MỸ	
**** Cảm nhận và thể cảm xúc trước vể đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật***	
MT75: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhân của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đạp nổi bật của các sự vật hiện tượng.	- Trẻ bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.
MT76: Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nge kể câu chuyện.	- Trẻ cảm nhận, hưởng ứng theo bài hát, bản nhạc, bài thơ…
MT77: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngăm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng… của tác phẩm tạo hình) của các tác phẩm tạo hình	- Trẻ nhận xét sản phẩm tạo hành: về màu sắc, hình dáng… của tác phẩm tạo hình
*** Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.**	
MT78: Trẻ biết hát tự nhiên, hát theo giai điệu của bài hát quen thuộc	- Hát đúng giai điệu lời ca bài hát
MT79: Trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu, bài ca, bản nhạc
MT80: Trẻ sử dụng các các nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm

MT81: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang để tạo thành những bức tranh đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang để tạo thành những bức tranh đơn giản
MT 82: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	- Trẻ sử dụng kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản
MT83: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Trẻ sử dụng kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.
MT84: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	Trẻ sử dụng kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT 85: Trẻ có khả năng nhận xét các sản phẩm tạo hình	- Trẻ nhận xét sản phẩm
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (*âm nhạc, tạo hình*)	
MT86: Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Trẻ vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
MT87: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm theo ý thích.	- Trẻ tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.
MT88: Trẻ có thể đặt tên cho sản phẩm của mình.	- Trẻ đặt tên cho sản phẩm của mình.

III. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

STT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Những sự kiện lớn
1	Trường mầm non	3	Từ ngày 08/09/20205 đến 26/09/2025	
2	Bản thân	4	Từ ngày 29/09/2025 đến 24/10/2025	- Tết trung thu 15/8 (âm lịch) - Ngày thành lập hội LHPNVN 20/10

3	Gia đình	3	Từ ngày 27/10/2025 đến 14/11/2025	
4	Nghề nghiệp	4	Từ ngày 17/11/2025 đến 12/12/2025	- Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11
5	Thế giới động vật	4	Từ ngày 15/12/2025 đến 09/01/2026	- Ngày thành lập QĐNDVN 22/12 - Nghỉ tết dương lịch 01/1
6	Phương tiện và một số quy định giao thông	4	Từ ngày 12/01/2026 đến 06/02/2026	
7	Thế giới thực vật	4	Từ ngày 09/02/2026 đến 13/03/2026	- Nghỉ tết Nguyên Đán từ 14/02 đến hết 22/02 - Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3
8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	4	Từ ngày 16/03/2026 đến 10/04/2026	
9	Quê hương, Đất nước Việt Nam	4	Từ ngày 13/04/ 2026 đến 08/05/2026	- Nghỉ giỗ tổ Hùng Vương 10/3 (âm lịch) - Kỷ niệm ngày 30/4 và 1/5
10	Bác Hồ Kính yêu	1	Từ ngày 11/05/2026 đến 15/05/2026	Ngày sinh nhật Bác 19/05

Kết thúc học kỳ I: 09/01/2026
Kết thúc chương trình: 15/05/2026